

Bản án số: **92/2020/DS-ST**

Ngày: 07/8/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Võ Văn Tánh.

Trong ngày 07/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 324/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-DS ngày 09/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HPT ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là S).**

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thẻ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980, chức vụ nhân viên.

- Bị đơn: **Ông Lâm Chí H**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 683/18G/15 Đường H, Phường S, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lâm Chí H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2019; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/6/2020, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là S, bà Nguyễn Bích Thanh T trình bày:

Ngày 13/06/2011, ông Lâm Chí H và Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) thỏa thuận, thống nhất ký Hợp đồng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) về việc Ngân hàng đồng ý cấp cho ông Lâm Chí H sử dụng 3 thẻ tín dụng với mục đích để tiêu dùng cá nhân, hạn mức sử dụng từ 20.000.000 đồng - 30.000.000 đồng/thẻ, gồm các thẻ số 472074 – 4521, 512341 – 1562 và 970403 – 6834.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 299,156,627 đồng, chi tiết:

- Thẻ 472074 – 4521: 105.382.852 đồng;
- Thẻ: 512341 – 1562: 97.223.775 đồng;
- Thẻ 970403 – 6834: 96.550.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 324,362,072 đồng, chi tiết

- Thẻ 472074 – 4521: 110.184.729 đồng, bao gồm các loại phí: 7.402.800 đồng, lãi trong hạn: 5.842.797 đồng và gốc đã thanh toán là 96.939.132 đồng;
- Thẻ: 512341 – 1562: 107.232.151 đồng, bao gồm các loại phí: 6.449.500 đồng, lãi trong hạn: 12.102.781 đồng và gốc đã thanh toán là 88.679.870 đồng;
- Thẻ 970403 – 6834: 106.945.192 đồng, bao gồm các loại phí: 4.119.802 đồng, lãi trong hạn: 20.527.789 đồng và gốc đã thanh toán là 82.297.601 đồng.

Căn cứ điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng: bên cạnh lãi suất, chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 31,240,024 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với lãi suất quá hạn = lãi trong hạn x 150%, cụ thể:

- Thẻ 472074 – 4521 và thẻ 512341 – 1562 là 3.225%/ tháng;
- Thẻ 970403 – 6834 là 3.75%/ tháng;

Tính đến ngày 07/08/2020, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 31,240,024 đồng, chi tiết thẻ 472074 – 4521 là: 8,443,720 đồng, thẻ 512341 – 1562 là 8,543,905 đồng và thẻ 970403 – 6834 là 14,252,399 đồng;

- Lãi quá hạn: 48,821,027 đồng chi tiết thẻ 472074 – 4521 là: 12,263,027 đồng, thẻ 512341 – 1562 là 12,436,490 đồng và thẻ 970403 – 6834 là 24,121,510 đồng.

* Tổng cộng: 80,061,051 đồng (thẻ 472074 – 4521: 20,706,747 đồng, 512341 – 1562: 20,980,395 đồng và 970403 – 6834: 38,373,909 đồng)

(Bằng chữ: Tám mươi triệu, không trăm sáu một nghìn, không trăm năm một đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Lâm Chí H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/08/2020 là 80,061,051 đồng (Bằng chữ: Tám mươi triệu, không trăm sáu một nghìn, không trăm năm một đồng) trong đó: Nợ gốc: 31,240,024 đồng (thẻ 472074 – 4521: 8,443,720 đồng, 512341 – 1562: 8,543,905 đồng và 970403 – 6834: 14,252,399 đồng); Lãi quá hạn: 48,821,027 đồng (thẻ 472074 – 4521: 12,263,027 đồng, 512341 – 1562: 12,436,490 đồng và 970403 – 6834: 24,121,510 đồng);

- Buộc ông Lâm Chí H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/08/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn là ông Lâm Chí H: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng ông H đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn là ông Lâm Chí H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, giải quyết và tại các phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

- *Về nội dung:* Căn cứ các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã thể hiện: Ngày 13/6/2011, ông Lâm Chí H có ký Hợp đồng sử dụng 03 thẻ tín dụng của Ngân hàng với mức thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 4521 cấp ngày 30/5/2011 với hạn mức được cấp là 20.000.000 đồng; thẻ MC Credit Classic số 512341 – 1562 cấp ngày 12/11/2011 và thẻ Family Local Credit New số 970403 – 6834 cấp ngày 15/10/2012 có hạn mức 30.000.000 đồng/thẻ. Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thực hiện nhiều giao dịch và tính đến ngày 23/11/2016, ông H còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 31,240,024 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H, đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá.

Tính đến ngày 07/8/2020, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 80.061.051 đồng (nợ gốc : 31,240,024 đồng; lãi quá hạn : 48.8210.027 đồng).

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Chí H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Ông Lâm Chí H ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng với Sacombank để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền theo lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 6, Quận 6 về đương sự Lâm Chí H như sau: “Đương sự Lâm Chí H, sinh năm 1971 có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại Địa chỉ: 683/18G/15 Đường H, Phường S, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/10/1976 cho đến nay”.

Theo hợp đồng vay và đơn khởi kiện do Sacombank xác định ông Lâm Chí H có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lâm Chí H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.]

[Về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn là Sacombank cung cấp thể hiện: Trong các ngày 30/5/2011, ngày 15/10/2011 và ngày 12/11/2011, ông Lâm Chí H ký kết với Sacombank 03 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và được Sacombank chấp thuận cấp 03 thẻ tín dụng của Ngân hàng, gồm: thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 4521 cấp ngày 30/5/2011 với hạn mức được cấp là 20.000.000 đồng; thẻ MC Credit Classic số 512341 – 1562 cấp ngày 12/11/2011 và thẻ Family Local Credit New số 970403 – 6834 cấp ngày 15/10/2012 có hạn mức 30.000.000 đồng/thẻ. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất thay đổi theo thông báo của Sacombank trong từng giai đoạn cụ thể, lãi suất trong hạn giao động từ 2.15% đến 2.50%; lãi suất quá hạn bằng lãi 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày kích hoạt thẻ Visa Credit Classic số 472074 – 4521 vào ngày 25/6/2011 đến ngày 25/11/2016 thì ông Lâm Chí H đã thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền đối với cả 03 thẻ là 299.156.627 đồng, đã thanh toán cho Sacombank với tổng số tiền cả gốc, tiền lãi và phí là 324.362.072 đồng. Trong tổng số tiền đã thanh toán, sau khi trừ lãi, trừ phí, phí trễ hạn thì còn dư nợ gốc là 31,240,024 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền gốc đã sử dụng:

+ Thẻ số 472074 – 4521: **105.382.852** đồng;

+ Thẻ số 512341 – 1562: **97.223.775** đồng;

+ Thẻ số 970403 – 6834: **96.550.000** đồng.

- Tổng số tiền đã thanh toán:

+ Thẻ số 472074 – 4521, đã thanh toán 110.184.729 đồng (các loại phí: 7.402.800 đồng + lãi trong hạn: 5.842.797 đồng + gốc **96.939.132** đồng);

+ Thẻ số 512341 – 1562, đã thanh toán 107.232.151 đồng (các loại phí: 6.449.500 đồng + lãi trong hạn: 12.102.781 đồng + gốc **88.679.870** đồng);

+ Thẻ số 970403 – 6834, đã thanh toán 106.945.192 đồng (các loại phí: 4.119.802 đồng + lãi trong hạn: 20.527.789 đồng + gốc **82.297.601** đồng).

- Số dư nợ gốc ông H còn lại là:

+ Thẻ số 472074 – 4521: 105.382.852 đồng - 96.939.132 đồng = **8.443.720** đồng;

+ Thẻ số 512341 – 1562: 97.223.775 đồng - 88.679.870 đồng = **8.543.905** đồng;

+ Thẻ số 970403 – 6834: 96.550.000 đồng - 82.297.601 đồng = **14.252.399** đồng.

Tổng dư nợ gốc là **31,240,024** đồng.

- Tính từ ngày 26/11/2016 đến ngày xét xử 07/8/2020, ông H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

+ Thẻ số 472074 – 4521: 8.443.720 đồng nợ gốc + 12.263.027 đồng lãi quá hạn = **20.706.747** đồng;

+ Thẻ số 512341 – 1562: 8.543.905 đồng nợ gốc + 12.436.490 đồng lãi quá hạn = **20.980.395** đồng;

+ Thẻ số 970403 – 6834: 14.252.399 đồng nợ gốc + 24.121.510 đồng lãi quá hạn = **38.373.909** đồng.

Tổng cộng, ông Lâm Chí H còn nợ Sacombank các khoản là: 31,240,024 đồng nợ gốc + 48.821.027 đồng lãi quá hạn = **80.061.051** đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cũng như các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã nêu trong Thông báo thụ lý. Như vậy, bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện; Bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án, gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank, Thông báo về việc thay đổi lãi suất, Bản sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch đối với các giao dịch của bị đơn, Giấy nhắc nợ đối với bị đơn...

Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2, Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank, nên việc Sacombank yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Chí H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ như đã tính chi tiết ở phần trên (tạm tính đến hết ngày 07/8/2020) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ

chức tín dụng năm 2010. Buộc ông Lâm Chí H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ khoản nợ là **80.061.051** đồng (31,240,024 đồng nợ gốc + 48.821.027 đồng lãi quá hạn), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/8/2020, ông Lâm Chí H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Sacombank (ngày 30/5/2011, ngày 15/10/2011 và ngày 12/11/2011) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. *(Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).*

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Chí H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.003.000 đồng, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.712.910 đồng theo biên lai thu số 0011952 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Lâm Chí H về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Cụ thể:

Buộc ông Lâm Chí H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số nợ **80.061.051 đồng (Tám mươi triệu không trăm sáu một ngàn không trăm năm một đồng)**, trong đó: nợ gốc là: 31,240,024 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.8210.027 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/8/2020, ông Lâm Chí H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Sacombank (ngày 30/5/2011, ngày 15/10/2011 và ngày 12/11/2011) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.003.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.712.910 đồng theo biên lai thu số 0011952 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú